

## **NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG LOGO VFCS**



VFCS ST 1008:2019

**Văn phòng chứng chỉ rừng**  
Phòng 309, Tòa nhà A9, Số 2, Ngọc Hà  
Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam  
ĐT: +84 38438792; Fax: +84 38438793  
Email: [vanphongvfco@gmail.com](mailto:vanphongvfco@gmail.com)  
Web: [www.vfcs.vnforest.gov.vn](http://www.vfcs.vnforest.gov.vn)

Thông tin bản quyền  
© VFCS 2019

Tài liệu này thuộc bản quyền của Hệ thống cấp chứng chỉ rừng Quốc gia (VFCS). Có thể truy cập miễn phí tài liệu này tại trang web của Tổng cục Lâm nghiệp hoặc liên hệ trực tiếp Văn phòng Chứng chỉ rừng.

Tất cả các phần trong tài liệu này đều được bảo vệ bản quyền; nghiêm cấm thay đổi; chỉnh sửa; hay tái xuất bản dưới mọi hình thức hay phương tiện nào vì mục đích thương mại mà chưa được sự cho phép từ Văn phòng Chứng chỉ rừng.

Tên tài liệu: Nguyên tắc sử dụng Logo VFCS

Mã tài liệu: VFCS/PEFC ST 1008:2019

Phê duyệt bởi: Văn phòng chứng chỉ rừng

Ngày ban hành: 6/9/2019

Ngày có hiệu lực: 6/9/2019

## MỤC LỤC

I. GIỚI THIỆU CHUNG.....	4
II. CĂN CỨ BAN HÀNH.....	5
III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG.....	5
IV. NHỮNG KHÁI NIỆM VỀ SỬ DỤNG LOGO VFCS .....	6
4.1. Mục đích sử dụng Logo VFCS .....	6
4.2. Hình thức sử dụng Logo VFCS .....	6
4.3. Loại Chứng chỉ được sử dụng Logo VFCS .....	6
4.4. Logo VFCS .....	6
4.5. Quyền sở hữu và sử dụng Logo VFCS .....	7
V. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG LOGO VFCS .....	8
5.1. Chủ rừng (gọi là nhóm A).....	8
5.2. Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến gỗ, lâm sản (gọi là nhóm B).....	8
5.3. Tổ chức, cá nhân khác (gọi là nhóm C) .....	8
VI. NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG LOGO VFCS.....	8
6.1. Nguyên tắc chung.....	8
6. 2. Điều kiện để sử dụng Logo VFCS .....	9
6. 3. Quy định về cách ghi nhãn VFCS.....	9
6.4. Những yêu cầu đặc biệt cho nhãn dán VFCS trên sản phẩm.....	11
6.5. Những trường hợp đặc biệt sử dụng Logo VFCS .....	13
6.6. Sử dụng Logo VFCS cho mục đích khác.....	13
VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....	14
7.1. Trách nhiệm thi hành .....	14
7.2. Kiểm tra, giám sát .....	15

## I. GIỚI THIỆU CHUNG

Quản lý rừng bền vững được thực hiện tại Việt Nam từ những năm 1990 của Thế kỷ trước và đã được triển khai thực hiện trên cơ sở thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020.

Năm 2018, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng thông qua Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 1/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có phê duyệt việc thành lập và vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia được xây dựng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động và ra quyết định độc lập giữa các bên tham gia, đảm bảo phù hợp với yêu cầu của hệ thống chứng chỉ rừng quốc tế. Bộ tiêu chuẩn quản lý rừng (bao gồm Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững; Tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững theo nhóm và Tiêu chuẩn quản lý chuỗi hành trình sản phẩm) do Văn phòng chứng chỉ rừng xây dựng và ban hành là tài liệu quan trọng để các Tổ chức chứng nhận sử dụng để đánh giá cấp chứng chỉ cho các chủ rừng, doanh nghiệp.

Logo của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia để cung cấp thông tin và khẳng định sản phẩm cung cấp ra thị trường được khai thác từ các khu rừng được quản lý một cách bền vững hoặc được quản lý theo chuỗi hành trình để có thể truy xuất được nguồn gốc đáp ứng được các tiêu chuẩn quản lý bền vững của hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia. Khách hàng có thể nhận biết, tra cứu thông tin và đưa ra quyết định lựa chọn sản phẩm để góp phần bảo vệ môi trường.

Nguyên tắc sử dụng Logo VFCS trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia được xây dựng trên cơ sở các qui định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tổng cục Lâm nghiệp về vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia và theo các quy định, hướng dẫn của Chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng (PEFC).

Đây là Tài liệu do Văn phòng chứng chỉ rừng ban hành để hướng dẫn các Tổ chức chứng nhận, Tổ chức công nhận, các bên liên quan và khách hàng trong quá trình vận hành Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

## II. CĂN CỨ BAN HÀNH

- Căn cứ Quyết định số 190/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc Giao nhiệm vụ quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng thuộc nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Quyết định số 1288/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Căn cứ Quyết định số 191/QĐ-BNN-TCLN ngày 11/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Thành lập Văn phòng Chứng chỉ rừng bền vững;

- Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-TCLN-VP ngày 22/03/2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Chứng chỉ quản lý rừng bền vững;

- Căn cứ vào Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 14021:1999, sửa đổi 1:2011; Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN ISO/IEC 14021:2013 về Nhãn môi trường và công bố về môi trường – tự công bố về môi trường (ghi nhãn môi trường kiểu II);

- Căn cứ vào Tài liệu hướng dẫn về Nguyên tắc sử dụng Logo của PEFC (PEFC ST 2001:2008) và các hướng dẫn tại Phụ lục I, tài liệu kỹ thuật của PEFC quy định về thuật ngữ và định nghĩa.

## III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ÁP DỤNG

Tài liệu này áp dụng cho các tổ chức Chứng nhận; tổ chức công nhận và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng Logo của hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

Văn phòng chứng chỉ rừng là cơ quan công nhận quyền sử dụng Logo thông qua hợp đồng công nhận.

## IV. NHỮNG KHÁI NIỆM VỀ SỬ DỤNG LOGO VFCS

### 4.1. Mục đích sử dụng Logo VFCS

Sử dụng Logo VFCS để xác nhận các sản phẩm được đã đạt được chứng nhận quản lý rừng bền vững và/hoặc chứng nhận quản lý chuỗi hành trình sản phẩm theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

### 4.2. Hình thức sử dụng Logo VFCS

a) Sử dụng Logo VFCS trực tiếp: là hình thức in hoặc dán trực tiếp vào các sản phẩm không đóng gói; hoặc trên các bao bì của sản phẩm đóng gói riêng, hoặc các thùng hàng trong quá trình vận chuyển sản phẩm;

b) Sử dụng Logo VFCS trên các tài liệu liên quan đến các sản phẩm (ví dụ như hóa đơn, vận đơn, ấn phẩm quảng cáo, tờ rơi, và các hướng dẫn sử dụng...);

Ghi chú: Logo VFCS giúp cho người tiêu dùng nhận biết được sản phẩm và nguồn gốc của sản phẩm đã được chứng nhận theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

c) Sử dụng Logo VFCS cho các mục đích như đào tạo, quảng bá, tuyên truyền về Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

### 4.3. Loại Chứng chỉ được sử dụng Logo VFCS

a) Chứng chỉ quản lý rừng bền vững còn hiệu lực do Tổ chức chứng nhận trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia cấp;

b) Chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm còn hiệu lực do Tổ chức chứng nhận trong Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia cấp;

c) Chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm do Tổ chức chứng nhận đã được PEFC chỉ định, dựa vào một hệ thống tiêu chuẩn của PEFC về chuỗi hành trình sản phẩm.

### 4.4. Logo VFCS

Logo VFCS có tác dụng xác nhận nguồn gốc của nguyên liệu được sử dụng để sản xuất các sản phẩm đã được dán nhãn.

Ghi chú: Logo VFCS để xác nhận nguồn nguyên liệu có chứng nhận VFCS tức là nguồn nguyên liệu được khai thác từ các khu rừng có chứng chỉ quản lý bền vững theo tiêu chuẩn của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia hoặc các nguồn nguyên liệu được kiểm soát hoặc nguyên liệu tái chế khi được VFCS xác nhận.



#### **4.5. Quyền sở hữu và sử dụng Logo VFCS**

##### **a) Quyền sở hữu Logo VFCS**

Logo VFCS là thương hiệu có bản quyền, thuộc quyền sở hữu của Văn phòng chứng chỉ rừng. Tên viết tắt "VFCS" đi kèm với Logo được đăng ký và được bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc sử dụng trái phép Logo VFCS đã được đăng ký bản quyền sẽ bị xử lý theo pháp luật Việt Nam.

##### **b) Quyền sử dụng Logo VFCS**

Logo VFCS chỉ được sử dụng khi có sự đồng ý của Văn phòng chứng chỉ rừng thông qua hợp đồng sử dụng Logo VFCS của Văn phòng chứng chỉ rừng với doanh nghiệp, chủ rừng, đơn vị, cá nhân muốn sử dụng Logo VFCS.

Cơ quan thẩm quyền quyết định việc sử dụng Logo VFCS là Văn phòng chứng chỉ rừng hoặc một pháp nhân đại diện thương mại chính thức khác được ủy quyền của Văn phòng chứng chỉ rừng.

Trường hợp sử dụng Logo VFCS cho các mục đích khác như đào tạo, quảng bá, tuyên truyền về Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia, Văn phòng chứng chỉ rừng hoặc một pháp nhân được ủy quyền có thể cấp phép cho một lần sử dụng Logo VFCS.

##### **c) Quyền sử dụng Tên viết tắt "VFCS"**

Các tổ chức, cá nhân muốn sử dụng tên viết tắt "VFCS" của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia phải đảm bảo sản phẩm hoặc nguyên liệu đầu vào có chứng chỉ quản lý rừng hoặc quản lý chuỗi hành trình sản phẩm.

Các tổ chức, cá nhân muốn sử dụng tên viết tắt của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia "VFCS" phải được sự chấp thuận của Văn phòng chứng chỉ rừng.

## V. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG LOGO VFCS

### 5.1. Chủ rừng (gọi là nhóm A)

Chủ rừng hoặc chủ rừng liên kết có chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia, cụ thể gồm:

- a) Chủ rừng liên kết hình thành chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo nhóm (nhóm chủ rừng);
- b) Chủ rừng là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;
- c) Các đơn vị, cá nhân, tổ chức không phải là chủ rừng nhưng tham gia vào chứng chỉ nhóm (ví dụ: nhà thầu xây dựng, chủ vườn ươm,...).

### 5.2. Doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến gỗ, lâm sản (gọi là nhóm B)

Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến gỗ, lâm sản có chứng chỉ quản lý chuỗi hành trình sản phẩm theo tiêu chuẩn của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

### 5.3. Tổ chức, cá nhân khác (gọi là nhóm C)

Các tổ chức, cá nhân không thuộc nhóm A, B được sử dụng Logo VFCS cho mục đích như đào tạo, quảng bá, tuyên truyền về Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

## VI. NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG LOGO VFCS

### 6.1. Nguyên tắc chung

Logo VFCS được sử dụng trên các sản phẩm có nguồn gốc từ rừng (sử dụng trực tiếp trên sản phẩm) hoặc cho mục đích như đào tạo, quảng bá, tuyên truyền về Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia.

**Bảng 1: Phân loại Nhóm sử dụng VFCS Logo**

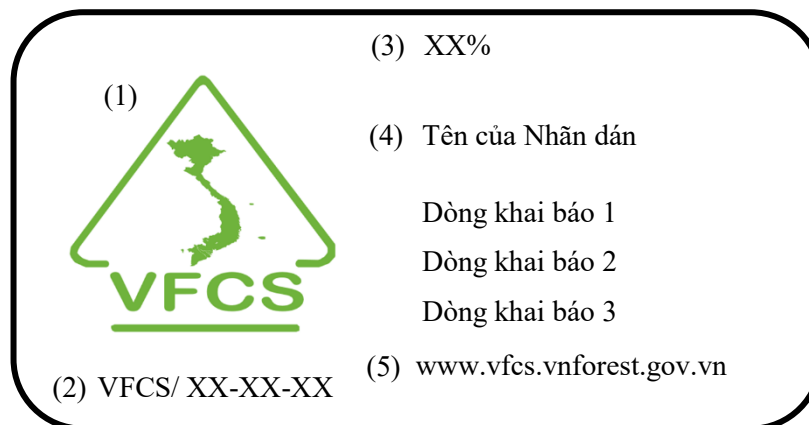
<i>Nhóm sử dụng</i>	<i>Trên sản phẩm</i>	<i>Mục đích khác</i>
Nhóm A: Chủ rừng	Có	Có
Nhóm B: doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, chế biến gỗ, lâm sản	Có	Có
Nhóm C: Đối tượng khác	Không	Có



## 6. 2. Điều kiện để sử dụng Logo VFCS

Nhóm A và nhóm B có thể sử dụng Logo VFCS trên sản phẩm của họ khi được Văn phòng chứng chỉ rừng cấp mã Đăng ký.

## 6. 3. Quy định về cách ghi nhãn VFCS



- Logo VFCS gồm một hình nón và bản đồ Việt Nam cùng với dòng chữ VFCS ở bên dưới.

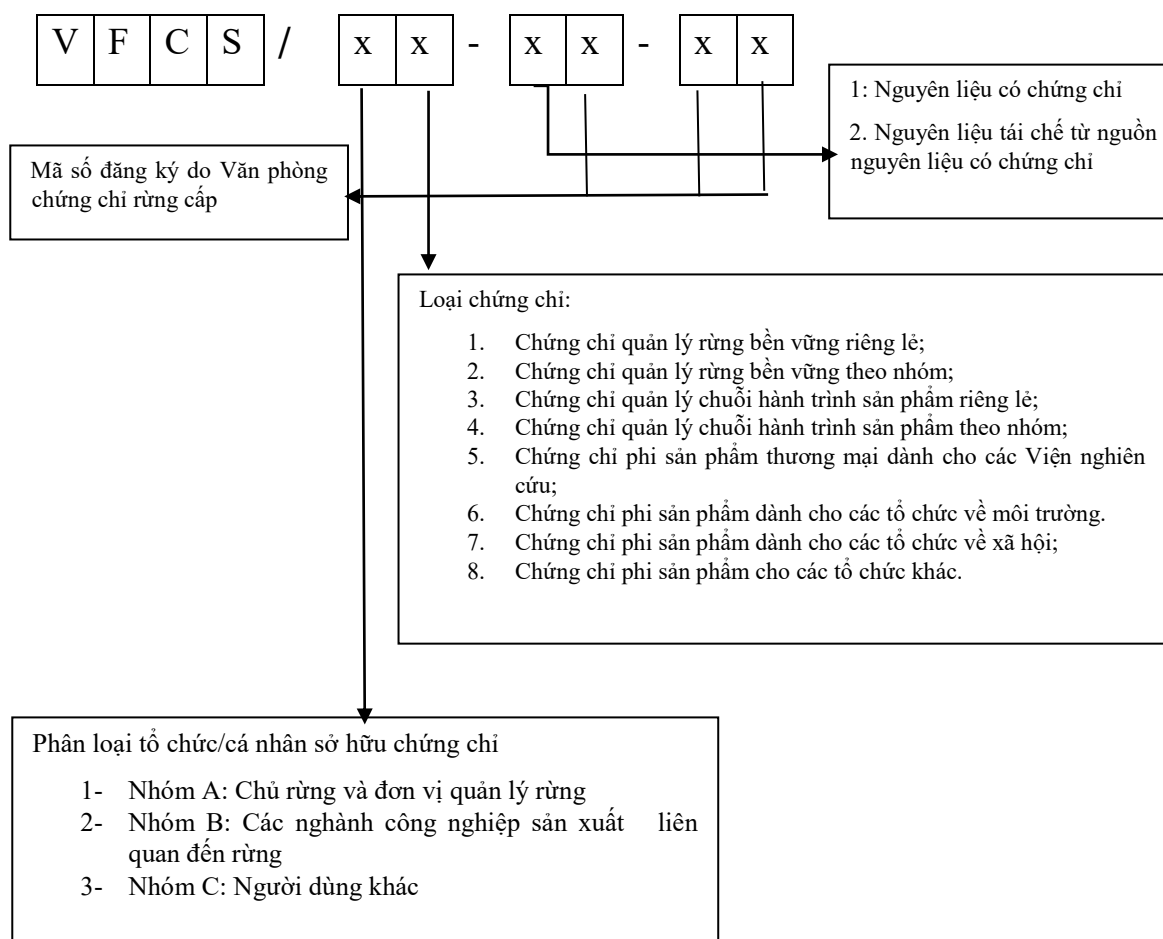
- Màu sắc: Logo VFCS có màu xanh lá cây, được thể hiện theo hình 2D hoặc theo hình 3D. Logo VFCS cũng có thể được nhận biết khi được in bằng mực màu đen trên nền trắng.

- Kích thước: Tỷ lệ giữa chiều cao và chiều rộng của nhãn VFCS là tỷ lệ: 1:2.

### (1) Logo VFCS

### (2) Số đăng ký sử dụng Logo VFCS

Số đăng ký sử dụng Logo VFCS phải luôn đi theo Logo VFCS và được sự đồng ý bởi Văn phòng chứng chỉ rừng hoặc các tổ chức được ủy quyền. Mỗi tổ chức cá nhân chỉ có một mã đăng ký duy nhất.



### (3) Tỷ lệ % nguyên liệu có chứng nhận VFCS

Tỷ lệ % cho biết thành phần của nguyên liệu tạo nên sản phẩm được chứng nhận trong sản phẩm có thể được sử dụng như là một thông tin của nhãn "VFCS chứng nhận". Để có được nhãn dán trên sản phẩm thì tỷ lệ nguyên liệu được chứng nhận VFCS phải trên 70% (tham khảo cách tính % tại tài liệu Bộ tiêu chuẩn quản lý chuỗi hành trình sản phẩm VFCS ST 1005:2019).

### (4) Tên nhãn và khai báo nhãn hiệu

Tên nhãn và khai báo nhãn hiệu VFCS là tiếng Việt. Tên nhãn VFCS và khai báo nhãn hiệu bằng bất kỳ ngôn ngữ nào khác phải dựa trên phiên bản ngôn ngữ do Văn phòng chứng chỉ rừng dịch và cấp theo khai báo bằng văn bản.


### (5) VFCS website

Trang web của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia là: [www.vfcs.vnforest.gov.vn](http://www.vfcs.vnforest.gov.vn)


Thông tin chi tiết về các tùy chọn sử dụng nhãn VFCS được mô tả chi tiết và được quy định cụ thể trong bộ công cụ sử dụng Logo VFCS.

## 6.4. Những yêu cầu cụ thể cho nhãn dán VFCS trên sản phẩm

### a) Nhãn chứng nhận “VFCS chứng nhận”

 <p>VFCS Chứng nhận</p> <p>Sản phẩm này (hoặc tên sản phẩm) được sản xuất từ rừng được quản lý bền vững, từ nguồn nguyên liệu tái chế và từ nguồn được kiểm soát</p> <p>www.vfcs.vnforest.gov.vn</p> <p>VFCS/ XX-XX-XX</p>	
<b>Tên nhãn</b>	<b>VFCS Chứng nhận</b>
<b>Miêu tả nhãn</b>	<p>Sản phẩm phải có ít nhất 70% nguyên liệu có chứng nhận VFCS từ các khu rừng có chứng chỉ quản lý rừng đã được Văn phòng chứng chỉ rừng xác nhận về quản lý rừng bền vững hoặc các nguyên liệu tái sử dụng trong đó lượng nguyên liệu tái sử dụng phải thấp hơn 85% tổng số nguyên liệu của sản phẩm có Logo VFCS.</p> <p>Chứng chỉ quản lý rừng bền vững và quản lý chuỗi hành trình sản phẩm được cấp bởi bên thứ ba là các Tổ chức chứng nhận được công nhận bởi Văn phòng công nhận chất lượng hoặc Tổ chức công nhận khác là thành viên của Diễn đàn công nhận quốc tế IFA (International Accreditation Forum).</p> <p>Trường hợp sản phẩm không bao gồm vật liệu tái chế, thì khai báo nhãn hiệu không có cụm từ "nguyên liệu tái chế".</p>
<b>Định nghĩa nguồn gốc nguyên liệu.</b>	Phụ lục I của tiêu chuẩn Quản lý chuỗi hành trình sản phẩm VFCS 1005:2019 về nguồn gốc nguyên liệu được thông qua bởi Văn phòng chứng chỉ rừng
<b>Tỷ lệ % thành phần nguyên liệu để được dán nhãn VFCS</b>	≥ 70 %
<b>Tỷ lệ % thành phần nguyên liệu tái chế được dán nhãn VFCS</b>	≤ 85 %
<b>Khái niệm về nguồn gốc nguyên liệu có kiểm soát.</b>	Nguyên liệu đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về truy suất nguồn gốc; Nguyên liệu khai thác từ khu rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững;
<b>Cách trình bày Nhãn VFCS trong sản phẩm</b>	<p>Nhãn VFCS có thể được sử dụng (thể hiện) trong những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kích thước sản phẩm nhỏ, không đủ điều kiện để thể hiện Nhãn trên sản phẩm, thì có thể lược rút một số thông tin của Nhãn sản phẩm nhưng đảm bảo khách hàng vẫn có thể nhận biết sản phẩm được chứng nhận của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia;</li> <li>• Tỷ lệ % nguồn nguyên liệu được khai thác từ khu rừng có chứng chỉ trong sản phẩm;</li> </ul>

## b) Nhãn “VFCS nguyên liệu tái chế”

 <p>VFCS Nguyên liệu tái chế</p> <p>Sản phẩm này (hoặc tên sản phẩm) được sản xuất từ nguyên liệu tái chế và được kiểm soát</p> <p>www.vfcs.vnforest.gov.vn</p> <p>VFCS/ XX-XX-XX</p>	
<b>Tên nhãn</b>	<b>VFCS nguyên liệu tái chế</b>
<b>Miêu tả nhãn</b>	Sản phẩm được sản xuất từ ít nhất 70% nguyên liệu có chứng nhận chứng chỉ từ nguồn tái chế. Thành phần của nguyên liệu tái chế được tính toán trên cơ sở Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 14021 về Nhãn môi trường và công bố về môi trường-tự công bố về môi trường.
<b>Khái niệm về xuất xứ nguồn nguyên liệu thô</b>	Khái niệm về xuất xứ nguồn nguyên liệu thô được thể hiện tại Phụ lục I của bộ tiêu chuẩn Quản lý chuỗi hành trình sản phẩm VFCS 1005:2019
<b>Khái niệm của nguyên liệu VFCS tái chế</b>	Nguyên liệu VFCS tái chế được định nghĩa trong mục 4.24 bộ tiêu chuẩn Quản lý chuỗi hành trình sản phẩm VFCS ST 1005 2019.
<b>Khái niệm nguồn gốc có kiểm soát.</b>	Nguyên liệu đảm bảo đáp ứng được yêu cầu về truy suất nguồn gốc; Nguyên liệu khai thác từ khu rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.
<b>Tỷ lệ % thành phần nguyên liệu để được dán nhãn VFCS</b>	≥ 70 %
<b>Tỷ lệ % thành phần nguyên liệu tái chế được dán nhãn VFCS</b>	≥ 70 %
<b>Cách trình bày Nhãn VFCS trong sản phẩm</b>	<p>Nhãn VFCS có thể được sử dụng (thể hiện) trong những trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kích thước sản phẩm nhỏ, không đủ điều kiện để thể hiện Nhãn trên sản phẩm, thì có thể lược rút một số thông tin của Nhãn sản phẩm tái chế nhưng đảm bảo khách hàng vẫn có thể nhận biết sản phẩm được chứng nhận của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia;</li> <li>• Tỷ lệ % nguồn nguyên liệu được khai thác từ khu rừng có chứng chỉ trong sản phẩm;</li> <li>• Trong bất kỳ trường hợp hoặc sản phẩm được tạo ra từ nguồn nguyên liệu tái chế thì nhãn phải thể hiện được là sản phẩm tái chế.</li> </ul>

## 6.5. Những trường hợp đặc biệt sử dụng Logo VFCS

Sử dụng Logo VFCS không có mã đăng ký:

Nếu kích thước Logo VFCS hoặc Nhãn in trên sản phẩm quá nhỏ dẫn đến số đăng ký không thể đọc được hoặc không thể in số đăng ký lên sản phẩm được thì có thể sử dụng Logo VFCS không có mã đăng ký có thể được sử dụng với sự chấp thuận của Văn phòng chứng chỉ rừng. Trong trường hợp này, Logo VFCS hoặc Nhãn với đầy đủ thông tin phải được thể hiện trên bao bì đóng gói sản phẩm.

## 6.6. Sử dụng Logo VFCS cho mục đích khác

### 6.6.1. Phạm vi sử dụng

Sử dụng Logo VFCS cho mục đích khác bao gồm:

- (a) Đối tượng trong nhóm A và B sử dụng Logo nhằm mục đích thông báo về việc họ đã được cấp chứng chỉ;
- (b) Tổ chức chứng nhận sử dụng Logo để thông báo họ được Văn phòng chứng chỉ rừng chỉ định về việc họ được chấp nhận cấp chứng chỉ;
- (c) Khách hàng sử dụng Logo để thể hiện việc họ sử dụng các sản phẩm đã được chứng nhận VFCS;
- (d) Các thành viên hoặc cộng tác viên của VFCS được dùng Logo VFCS để thông tin về việc họ trở thành thành viên hoặc đối tác của Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia;
- (đ) Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia sử dụng Logo VFCS để thông tin về các dự án thúc đẩy chương trình cấp chứng chỉ rừng;
- (e) Các tổ chức, cá nhân khác có thể được sử dụng Logo VFCS cho mục đích tuyên truyền và giáo dục.

### 6.6.2. Yêu cầu trong việc sử dụng Logo VFCS cho mục đích khác

Đối tượng sử dụng Logo VFCS cho các mục đích khác phải được sự đồng ý từ Văn phòng chứng chỉ rừng thông qua hợp đồng về Quyền sử dụng Logo (Phụ lục II, Quy trình cấp phép sử dụng Logo VFCS 1009:2019).

6.6.3. Những yêu cầu cụ thể cho nhãn dán VFCS sử dụng với mục đích khác



Logo VFCS sẽ bao gồm hình nón bao bọc xung quanh bản đồ Việt Nam và chữ viết tắt VFCS.

Màu sắc: Logo của VFCS là màu xanh lá cây. Ngoài ra, Logo có thể sử dụng màu đen trên nền trắng.

Kích thước: Tỷ lệ chiều cao và chiều rộng là 2:1.

Mã đăng ký Logo: Mã đăng ký Logo được cấp bởi Văn phòng chứng chỉ rừng và phải được sử dụng chung với Logo VFCS.

VFCS khai báo: Nếu có khai báo trong Logo VFCS thì thể hiện mặc định là: “Thúc đẩy quản lý rừng bền vững”.

#### 6.6.4. Trường hợp đặc biệt

Nếu kích thước Logo VFCS hoặc Nhãn in trên ấn phẩm, tài liệu, tờ rơi quảng cáo... quá nhỏ dẫn đến số đăng ký không thể đọc được hoặc không thể in số đăng ký lên sản phẩm được thì có thể sử dụng Logo VFCS không có mã đăng ký có thể được sử dụng với sự chấp thuận của Văn phòng chứng chỉ rừng.

## VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### 7.1. Trách nhiệm thi hành

Các Tổ chức chứng nhận hoạt động trong hệ thống Chứng chỉ rừng quốc gia, chủ rừng, doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan đến việc sử dụng Logo VFCS có trách nhiệm thực hiện theo các quy định trong tài liệu này;

## **7.2. Kiểm tra, giám sát**

Văn phòng Chứng chỉ rừng có trách nhiệm và thẩm quyền kiểm tra việc thực hiện sử dụng Logo VFCS;

Văn phòng Chứng chỉ rừng chịu trách nhiệm giải quyết, xử lý những khiếu kiện, khiếu nại của các bên liên quan về việc sử dụng Logo VFCS.